

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: 11/2014/QĐ-UBND



Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 28.10.2014 15:10:30 +07:00

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức,
viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính về việc quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo bồi dưỡng đối với viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 48/2012/QĐ-UBND ngày 15/11/2012 của Ủy ban nhân dân

tính về việc Ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các hội đặc thù tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Mặt trận và các đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy;
- HĐND huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: TH, VX, KT, NC, QT, HC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



QUY CHẾ

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
*(Kèm theo Quyết định số 11 /2014/QĐ-UBND ngày 19/8/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, thẩm quyền ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước; kinh phí và quy trình cử cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với:

- Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính ở cấp tỉnh, cấp huyện, các hội đặc thù được nhà nước giao chỉ tiêu biên chế;

- Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;

- Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

- Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; khóm, ấp.

Sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng

1. Trang bị, cập nhật kiến thức, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng và phương pháp thực hiện nhiệm vụ được giao; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt chuẩn theo từng chức danh, nâng cao trình độ, năng lực, kỹ năng làm việc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

2. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước; đồng thời, chú trọng bồi dưỡng kiến thức đối ngoại, ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao ý thức và khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo.

Điều 3. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng

Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị; tuyển, chọn cán bộ, công chức, viên chức đưa đi đào tạo phải đúng đối tượng và theo đúng quy hoạch; đảm bảo tính tự

chủ của cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích vai trò tự học của cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Chương II

QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 4. Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng

1. Căn cứ vào vị trí việc làm và tiêu chuẩn của ngạch công chức, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị mình theo từng giai đoạn với thời gian quy hoạch là 05 năm, đồng thời định kỳ hàng năm tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, gửi về Sở Nội vụ trước ngày 31 tháng 01 hàng năm để theo dõi.

2. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cần được xây dựng dựa trên cơ sở công tác quy hoạch cán bộ của cơ quan, đơn vị và phải đảm bảo không ảnh hưởng đến công việc của cơ quan; đối tượng được quy hoạch đào tạo phải đáp ứng các điều kiện được cử đi đào tạo theo quy định hiện hành; mục tiêu quy hoạch phải được lượng hoá thành các chỉ tiêu cụ thể và có tính khả thi; nội dung quy hoạch phải phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển nguồn nhân lực của tỉnh và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách.

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Sóc Trăng:

- a) Đào tạo sau đại học về chuyên môn nghiệp vụ.
- b) Mở các lớp đào tạo (tập trung, bán tập trung, vừa làm vừa học) trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học;
- c) Mở các lớp đào tạo về tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc.
- d) Mở các lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước và quản lý chuyên ngành cho cán bộ, công chức, viên chức trong toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phê duyệt kế hoạch mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý, gồm:

- a) Các lớp đào tạo (tập trung, bán tập trung, vừa làm vừa học) trình độ sơ cấp chuyên môn nghiệp vụ.
- b) Các lớp tập huấn, triển khai, hướng dẫn văn bản của Nhà nước.
- c) Các lớp bồi dưỡng Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban nhân dân khóm, ấp.

Điều 6. Trình tự xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng

1. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt

a) Hàng năm, Sở Nội vụ chủ trì phối hợp Sở Tài chính thông báo định hướng và hướng dẫn các sở, ban ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng (gồm nhu cầu cử đi đào tạo sau đại học và nhu cầu mở lớp đào tạo, bồi dưỡng). Từ ngày 01 tháng 7 đến hết ngày 30 tháng 8 hàng năm, thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào định hướng và hướng dẫn của Sở Nội vụ, rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị mình trong năm sau liền kê và gửi văn bản đăng ký về Sở Nội vụ.

b) Văn bản đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các sở, ban ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phải thể hiện được đầy đủ các nội dung sau:

- Trường hợp cử đào tạo sau đại học
- + Số lượng cán bộ, công chức, viên chức cử đi đào tạo;
- + Vị trí việc làm hiện tại;
- + Trình độ cần đào tạo;
- + Chuyên ngành cần đào tạo;
- + Thời gian đào tạo;
- + Dự kiến kinh phí đào tạo cho từng năm và toàn khoá;
- + Dự kiến công việc phân công sau đào tạo.
- Trường hợp mở lớp đào tạo, bồi dưỡng
- + Sự cần thiết phải mở lớp;
- + Đối tượng tham dự lớp học, số lượng dự kiến;
- + Nguồn giảng viên của lớp;
- + Nguồn kinh phí thực hiện đào tạo, bồi dưỡng;
- + Dự kiến thời gian mở lớp, địa điểm mở lớp.

c) Sau khi tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các sở, ban ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính xây dựng phương án phân bổ dự toán kinh phí theo từng nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 01 tháng 10 hàng năm để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm.

2. Kế hoạch mở lớp do thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phê duyệt

a) Kế hoạch mở lớp của các sở, ban ngành tỉnh do Chánh Văn phòng (hoặc Trưởng phòng Tổ chức cán bộ) phối hợp với các phòng chức năng xem xét đề xuất trình thủ trưởng sở, ban ngành tỉnh phê duyệt;

b) Phòng Nội vụ phối hợp Trung tâm Bồi dưỡng chính trị cấp huyện và các cơ quan chức năng có liên quan xây dựng Kế hoạch mở lớp đào tạo, bồi dưỡng cán

bộ, công chức, viên chức trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phê duyệt theo thẩm quyền.

3. Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố không được chuyển các hội nghị tập huấn triển khai văn bản quy phạm pháp luật thành các lớp học bồi dưỡng ngắn hạn.

Chương III

CỬ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 7. Điều kiện cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo bồi dưỡng

a) Việc cử công chức đi đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học phải tuân thủ đúng theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học trung cấp, cao đẳng, đại học phải cam kết thực hiện Khoản 2, 3 Điều 9 của Quy chế này.

b) Việc cử công chức đi đào tạo sau đại học phải tuân thủ các quy định tại Điều 24 Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ; Điều 20 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ.

c) Việc cử viên chức đi đào tạo phải tuân thủ điều kiện quy định tại Điều 36 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ.

d) Việc cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng phải tuân thủ theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ và các quy định hiện hành.

e) Việc cử công chức đi bồi dưỡng ở nước ngoài thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ.

2. Các trường hợp không được xét, cử đi đào tạo, bồi dưỡng

a) Không xem xét, giải quyết cử đi đào tạo đối với các trường hợp cơ quan, đơn vị cử công chức tham gia dự tuyển mà không thông qua cấp có thẩm quyền.

b) Cán bộ, công chức có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo nguyện vọng riêng của bản thân (không được cơ quan quy hoạch đào tạo), tự ý tham gia dự tuyển không thông qua cơ quan có thẩm quyền.

c) Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian chấp hành hình thức kỷ luật (kỷ luật Đảng viên hoặc kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức).

3. Trong một số trường hợp đặc thù khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cụ thể.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối với các lớp học được tổ chức trong và ngoài tỉnh

a) Trường hợp đào tạo, bồi dưỡng có thời gian học trên 01 năm:

Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân huyện, thị xã, thành phố lập thủ tục đề nghị Sở Nội vụ xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi dự tuyển và đi đào tạo, bồi dưỡng theo thông báo chiêu sinh hoặc thông báo trúng tuyển, triệu tập nhập học của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

b) Trường hợp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, có thời gian học từ 01 năm trở xuống:

Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng (trừ trường hợp theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này), đồng thời báo cáo về Sở Nội vụ để tổng hợp.

c) Đối với trường hợp đặc thù theo yêu cầu của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ có văn bản cử cán bộ, công chức, viên chức đi học.

2. Đối với các lớp học do sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức; thủ trưởng sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng, đồng thời báo cáo về Sở Nội vụ để tổng hợp.

3. Thẩm quyền quyết định cử công chức đi bồi dưỡng ở nước ngoài thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ.

Chương IV **KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG**

Điều 9. Nội dung chi và mức chi kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Nội dung chi và mức chi kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính (trừ các trường hợp đi học theo các Đề án, Chương trình học bổng và các trường hợp thuộc quy định tại Khoản 2 Điều này). Riêng mức hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ từ ngân sách phải đảm bảo không vượt các định mức như sau:

a) Trường hợp đào tạo, bồi dưỡng ngoài tỉnh:

- Học tập trung (số ngày tập trung học thực tế liên tục từ 30 ngày/tháng trở lên), khoán tiền thuê phòng nghỉ không quá 1.200.000 đồng/tháng.

- Học không tập trung (số ngày tập trung học thực tế dưới 30 ngày/tháng), khoán tiền thuê phòng nghỉ không quá 150.000 đồng/ngày, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 1.200.000 đồng/tháng.

b) Đào tạo, bồi dưỡng trong tỉnh: được hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ nếu khoảng cách từ cơ quan, đơn vị công tác đến địa điểm học từ 10km trở lên, theo định mức như sau:

- Học tập trung (số ngày tập trung học thực tế liên tục từ 30 ngày/tháng trở lên), khoán tiền thuê phòng nghỉ không quá 500.000 đồng/tháng.

- Học không tập trung (số ngày tập trung học thực tế dưới 30 ngày/tháng), khoán tiền thuê phòng nghỉ không quá 50.000 đồng/ngày, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 500.000 đồng/tháng.

2. Không sử dụng nguồn ngân sách tập trung và không cấp kinh phí cho việc thực hiện đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học (trừ trường hợp đào tạo trung cấp, cao cấp chính trị theo quy hoạch chuẩn hóa cán bộ và các lớp đào tạo cao đẳng, đại học theo chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án riêng của tỉnh); các trường hợp học thạc sĩ theo hình thức tổ chức liên kết đào tạo với mức thu học phí cao hơn mức quy định của trường công lập (trừ các lớp được cấp có thẩm quyền phê duyệt đào tạo theo địa chỉ sử dụng). Riêng đối với các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử đi học trước ngày văn bản này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được đảm bảo kinh phí đến hết khóa học theo quy định.

3. Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tham gia các khóa học ngoài giờ hành chính, tự túc chi phí đi học, tìm học bổng tài trợ đi học và nguồn tài trợ khác.

4. Căn cứ tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị có thể quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ việc chi hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc từ nguồn kinh phí tự chủ hoặc nguồn hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị. Các mức chi này không được vượt mức chi theo quy định tại Quy chế này và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Điều 10. Nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối với trường hợp bồi dưỡng

a) Ngân sách nhà nước các cấp (tỉnh, huyện, xã) đảm bảo kinh phí cho việc tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tập trung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Quy chế này.

b) Các cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng tập trung theo kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các khoản chi khác (nếu có) ngoài các khoản chi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

c) Các cơ quan, đơn vị đảm bảo toàn bộ chi phí theo quy định cho cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia các lớp bồi dưỡng ngoài kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tập trung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt từ nguồn kinh phí tự chủ hoặc các nguồn hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị.

2. Đối với trường hợp đào tạo

a) Ngân sách nhà nước các cấp (tỉnh, huyện, xã) đảm bảo kinh phí (trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 9 Quy chế này) theo quy định cho các trường hợp:

- Đào tạo trình độ tiến sĩ và tương đương theo kế hoạch đối với cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập;

- Đào tạo trình độ thạc sĩ và tương đương trong phạm vi kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm đối với cán bộ, công chức,

viên chức đang công tác tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập loại 3 (đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động); đơn vị sự nghiệp công lập loại 2 (đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động).

- Đào tạo theo chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án riêng của tỉnh.

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập loại 1 (đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi phí hoạt động) căn cứ tình hình thực tế, quy định việc chi kinh phí đào tạo đối với công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan, đơn vị từ nguồn kinh phí tự chủ hoặc các nguồn hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị (trừ trường hợp đào tạo tiến sĩ theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 10 Quy chế này).

Điều 11. Đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Cán bộ, công chức tự ý không tham gia khóa học khi đã làm đầy đủ các thủ tục nhập học và đã được cơ quan cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc thôi việc trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; tham gia khóa học đầy đủ thời gian theo quy định (có xác nhận của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng) nhưng không được cấp văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đã hoàn thành khóa học do nguyên nhân chủ quan; đã hoàn thành khóa học và được cấp bằng tốt nghiệp (đối với các trường hợp được cử đi đào tạo từ trình độ trung cấp trở lên) nhưng bỏ việc hoặc thôi việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết, phải đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định hiện hành.

2. Viên chức được cử đi đào tạo ở trong nước và ngoài nước mà trong thời gian được cử đi đào tạo, viên chức tự ý bỏ học hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc; đã hoàn thành khóa học nhưng không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp, chứng nhận kết quả học tập; đã hoàn thành và được cấp bằng tốt nghiệp khóa học từ trình độ trung cấp trở lên nhưng chưa phục vụ đủ thời gian theo cam kết, phải bồi thường chi phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

3. Chi phí đền bù, cách tính chi phí đền bù, điều kiện được giảm chi phí đền bù, quyết định đền bù, trả và thu hồi chi phí đền bù đào tạo được thực hiện theo Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức; Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo bồi dưỡng đối với viên chức và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12.

1. Sở Nội vụ, Sở Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan, đơn vị định kỳ 6 tháng, năm báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đã được phê duyệt; số lượng cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; các lớp đào tạo,

tập huấn đã tổ chức, gửi về Sở Nội vụ trước ngày 20/5 (đối với báo cáo 6 tháng) và trước ngày 20/10 (đối với báo cáo năm).

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

